**PHỤ LỤC 6**

**Danh mục rà soát các điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực đăng kiểm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành nghề/Tên điều kiện** | **Nội dung quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh** | **Căn cứ pháp lý** | **Đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa** | **Kiến nghị thực thi** |
| **1** | **Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới** | |  |  |  |
|  | Điều kiện chung | 1. Việc thành lập đơn vị đăng kiểm phải phù hợp Quy hoạch tổng thể mạng lưới các đơn vị đăng kiểm và dây chuyền kiểm định. | Điều 5 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP | Bỏ đk 1 vì hiện nay, Luật quy hoạch không cho phép quy hoạch các đơn vị kiểm định và dây chuyền kiểm định, do đó việc duy trì điều kiện này là không còn phù hợp với Luật Quy hoạch. | Sửa Điều 5 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP |
|  | Điều kiện về tổ chức bộ máy và nhân lực | 2. Đăng kiểm viên xe cơ giới trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành đào tạo Cơ khí ô tô, Công nghệ kỹ thuật ô tô hoặc ngành đào tạo Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật cơ khí trong chương trình đào tạo phải có các nội dung sau: Lý thuyết ô tô, cấu tạo ô tô, Kết cấu tính toán ô tô, Bảo dưỡng kỹ thuật ô tô, Động cơ đốt trong và Điện ô tô hoặc các môn học tương đương. Trường hợp không có các môn học trên, có thể đào tạo bổ sung tại các trường đại học;  3. Đăng kiểm viên có trình độ tiếng Anh tối thiểu trình độ B hoặc tương đương;  4. Được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới;  5. Có tối thiểu 12 tháng thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên tại đơn vị đăng kiểm sau khi hoàn thành tập huấn;  6. Có kết quả đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới đạt yêu cầu;  7. Có giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực.  8. Đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao có kinh nghiệm tối thiểu 36 tháng.  9. Được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao;  10. Có kết quả đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao đạt yêu cầu.  11. Nhân viên nghiệp vụ kiểm định có trình độ chuyên môn tối thiểu tốt nghiệp trung cấp nghề.  12. Nhân viên nghiệp vụ kiểm định Tiếng Anh tối thiểu trình độ A hoặc tương đương.  13. Nhân viên nghiệp vụ kiểm định được tập huấn.  14. Nhân viên nghiệp vụ kiểm định được cấp chứng chỉ tập huấn nhân viên nghiệp vụ kiểm định theo quy.  15. Phụ trách dây chuyền kiểm định phải là đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao.  16. Phụ trách dây chuyền được tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bổ nhiệm.  17. Người đứng đầu đơn vị đăng kiểm phải là đăng kiểm viên xe cơ giới  18. Người đứng đầu đơn vị đăng kiểm đã thực hiện nhiệm vụ của đăng kiểm viên tối thiểu 36 tháng.  19. Người đứng đầu đơn vị đăng kiểm Được tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bổ nhiệm.  20. Mỗi dây chuyền kiểm định phải có tối thiểu 03 đăng kiểm viên, trong đó ít nhất 01 đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao. | Điều 11 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP | - Bỏ đk 3  - Bỏ đk 4 này chuyển sang quy định về hoạt động quản lý.  - Bỏ đk 5 này chuyển sang quy định về hoạt động quản lý  - Bỏ đk 6 này chuyển sang quy định về hoạt động quản lý  - Bỏ đk 9 này chuyển sang quy định về hoạt động quản lý  - Bỏ đk 10 này chuyển sang quy định về hoạt động quản lý  - Bỏ đk 12  - Bỏ đk 13 này chuyển sang quy định về hoạt động quản lý  - Bỏ đk 14 này chuyển sang quy định về hoạt động quản lý  - Bỏ đk 16 này thực hiện theo pháp luật doanh nghiệp | - Sửa Điều 11 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP  - Sửa Điều 11 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP  Sửa Điều 11 –  -Sửa Điều 11 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP  - Sửa Điều 11 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP  - Sửa Điều 11 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP  - Sửa Điều 11 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP  - Sửa Điều 11 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP |
|  | Điều kiện về năng lực sản xuất | 21. Diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.250 m2 (dây chuyền kiểm định loại I);  22. Dây chuyền kiểm định loại II, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.500 m2;  23. Đơn vị có hai dây chuyền kiểm định, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 2.500 m2;  24. Đối với đơn vị đăng kiểm có từ ba dây chuyền kiểm định trở lên thì diện tích sử dụng cho hoạt động kiểm định từ dây chuyền thứ 3 trở lên tăng thêm tương ứng cho mỗi dây chuyền không nhỏ hơn 625 m2.  25. Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I: Kích thước thông xe tối thiểu (Dài x Rộng x Cao) là 30 x 4 x 3,5 (m);  26. Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II: Kích thước thông xe tối thiểu (Dài x Rộng x Cao) là 36 x 5 x 4,5 (m);  27. Đối với xưởng kiểm định có nhiều dây chuyền kiểm định bố trí cạnh nhau thì khoảng cách giữa tâm các dây chuyền kiểm định không nhỏ hơn 4 m và khoảng cách từ tâm dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao của xưởng kiểm định không nhỏ hơn 2,5 m;  28. Đối với trường hợp dây chuyền kiểm định bố trí tại nhiều xưởng kiểm định thì tổng chiều dài tối thiểu các xưởng kiểm định phải bằng chiều dài tương ứng với loại dây chuyền.  29. Đơn vị đăng kiểm có nhà văn phòng, phòng chờ cho lái xe và người đưa xe vào kiểm định (sau đây gọi tắt là chủ xe).  30. Hệ thống đường cho xe cơ giới ra vào xưởng kiểm định, đường giao thông nội bộ, chiều rộng mặt đường không nhỏ hơn 3 m, bãi đỗ xe phải được phủ bê tông nhựa đường hoặc bê tông xi măng.  31. Có thiết bị kiểm tra phanh;  32. Có thiết bị cân khối lượng;  33. Có thiết bị đo độ trượt ngang của bánh xe;  34. Có thiết bị phân tích khí xả;  35. Có thiết bị đo độ khói;  36. Có thiết bị đo độ ồn. Đối với đơn vị đăng kiểm có từ 02 dây chuyền kiểm định trở lên bố trí trong cùng một xưởng kiểm định thì chỉ cần trang bị tối thiểu 01 thiết bị đo độ ồn;  37. Có thiết bị kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước;  38. Có thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm;  39. Có thiết bị nâng (cầu nâng) xe cơ giới hoặc hầm kiểm tra;  40. Có thiết bị gia tải động cơ (đối với trường hợp thực hiện quy trình kiểm tra khí thải của xe cơ giới bằng phương pháp có gia tải).  41. Có chương trình phần mềm điều khiển tập trung, thống nhất, có chức năng điều khiển quá trình hoạt động của thiết bị theo quy trình kiểm định, cài đặt được các tiêu chuẩn đánh giá, thiết lập trình tự kiểm định tùy thuộc vào phương án bố trí thiết bị kiểm tra;  42. Có chương trình phần mềm điều khiển phải có ngôn ngữ tiếng Việt cho tất cả các tính năng;  43. Có cơ sở dữ liệu của chương trình phần mềm điều khiển phải được bảo mật theo yêu cầu của việc kiểm định và kết nối được để truyền dữ liệu về cơ sở dữ liệu kiểm định xe cơ giới chung của cả nước tại Cục Đăng kiểm Việt Nam.  44. Thiết bị kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng và trong quá trình sử dụng phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định;  45. Có dụng cụ kiểm tra áp suất hơi lốp;  46. Có đèn soi;  47. Có búa chuyên dùng kiểm tra;  48. Có thước đo chiều dài;  49. Có kích trên hầm kiểm tra (nếu có hầm kiểm tra).  50. Có đường kết nối internet đảm bảo việc truyền dữ liệu, hình ảnh kiểm định, có địa chỉ IP tĩnh và thiết bị để tạo kết nối mạng riêng ảo (VPN) với hệ thống máy chủ của Cục Đăng kiểm Việt Nam.  51. Đơn vị đăng kiểm phải lưu trữ dữ liệu kiểm định theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.  52. Máy chủ, các máy tính được nối mạng nội bộ và cài đặt các phần mềm quản lý thông tin kiểm định, điều khiển thiết bị kiểm tra trên dây chuyền kiểm định để phục vụ công tác quản lý phù hợp với quy trình nghiệp vụ kiểm định. Dữ liệu của các phần mềm này được lưu trữ trên máy chủ của đơn vị đăng kiểm và đồng bộ hóa qua mạng riêng ảo (VPN) với cơ sở dữ liệu kiểm định tập trung trên hệ thống máy chủ của Cục Đăng kiểm Việt Nam.  53. Có thiết bị văn phòng;  54. Có Camera hoặc máy ảnh kỹ thuật số chụp ảnh xe cơ giới vào kiểm định;  55. Có Camera IP để giám sát việc kiểm định xe cơ giới trên dây chuyền; lưu trữ được hình ảnh xe cơ giới kiểm định (dạng video) tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày kiểm định;  56. Có màn hình tại phòng chờ để chủ xe theo dõi hình ảnh kiểm tra xe trong quá trình kiểm định;  57. Có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo hộ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.  58. Có hệ thống tiếp nhận thông tin đăng ký kiểm định trước của chủ xe qua điện thoại, website hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến. | Điều 6, 7, 8, 9, 10 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP | -Bỏ đk 29  - Bỏ đk 30.  - Chuyển các đk 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 45, 46, 47, 48, 49, 54, 55 sang nội dung quy chuẩn.  - Bỏ đk 44 chuyển thành nội dung hoạt động quản lý.  - Bỏ đk 51 chuyển thành nội dung hoạt động quản lý.  - Bỏ đk 53.  - Bỏ đk 57 vì hoạt động này là hoạt động mang tính tuân thủ luật phòng cháy chống cháy nổ mà doanh nghiệp nào cũng phải tuân thủ.  - Bỏ đk 58, nội dung này do doanh nghiệp tự điều tiết để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. | - Sửa Điều 6, 7, 8, 9, 10 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP  - Sửa Điều 11 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP  - Sửa Điều 6, 7, 8, 9, 10 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP  - Sửa Điều 11 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP  Sửa Điều 6, 7, 8, 9, 10 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP.  Sửa Điều 6, 7, 8, 9, 10 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP  Sửa Điều 6, 7, 8, 9, 10 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP |
|  | **Tổng số** | **58 đk** |  | **38/58 (65%%).** |  |